

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH KHÁCH HÀNG NHẬN
HOÀN TIỀN CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI HOÀN 50% PHÍ GIAO DỊCH NGOẠI TỆ**

STT	NGÀY GD	SỐ THẺ	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ PHÍ NGOẠI TỆ	SỐ PHÍ ĐƯỢC HOÀN
1	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-7104	VO NHAT THI	22,660,130	2,000,000
2	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-6804	NGUYEN XUAN TRONG	20,167,343	2,000,000
3	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-4968	NGUYEN THI LUA	17,801,295	2,000,000
4	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-2758	NGUYEN THI HONG HANH	17,418,703	2,000,000
5	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-3467	NGUYEN HOANG ANH	17,920,521	2,000,000
6	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-7206	DAO THI HAU	15,734,698	2,000,000
7	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-0884	CHAU NGOC UYEN VI	15,239,001	2,000,000
8	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2353	OLIVER SCHWARZHAUPT	13,081,730	2,000,000
9	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-6660	LE NG HOANG ANH DUY	13,218,081	2,000,000
10	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-4862	LUU BACH TRONG	11,506,369	2,000,000
11	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-3072	HO VAN TINH	12,186,153	2,000,000
12	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-5127	LUU THI THUY ANH	10,994,332	2,000,000
13	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-4800	WONG KELLY YIN HON	9,263,965	2,000,000
14	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-1507	NGUYEN MANH HAO	10,138,373	2,000,000
15	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-7814	TRAN NHU THANH	7,085,644	2,000,000
16	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2867	VU HAI ANH	8,033,861	2,000,000
17	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-1290	DANG QUY DUONG	5,482,220	2,000,000
18	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-8191	DO MINH HUY	7,567,221	2,000,000
19	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-5949	VO VAN HUNG	8,476,341	2,000,000
20	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-0391	VU HOAI BAC	7,217,958	2,000,000
21	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-6098	NGUYEN THI BICH NGOC	7,041,255	2,000,000
22	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-2565	DAO TRUNG HIEU	6,780,604	2,000,000
23	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-9231	DO HOANG LAN	6,239,312	2,000,000
24	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-7649	NGUYEN BAO YEN	7,627,713	2,000,000
25	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-0309	NGUYEN THI LAN ANH	6,320,367	2,000,000
26	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-3709	TRAN TRUONG GIANG	6,989,102	2,000,000
27	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-2999	LE VU MINH	5,552,711	2,000,000
28	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-4056	NGUYEN THI NGUYET HUONG	4,767,596	2,000,000
29	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-9236	NGUYEN THI NUONG	5,242,480	2,000,000
30	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-7955	NGUYEN THI NGOC ANH	5,099,498	2,000,000
31	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-7004	DAO HOANG MINH	5,808,660	2,000,000
32	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-7629	DO THI THU NGA	5,762,599	2,000,000
33	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-0044	TRAN MANH TOAN	4,494,082	2,000,000
34	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-6001	THAI VAN SINH	5,035,483	2,000,000
35	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-3797	LE SONG HAO	3,963,191	1,981,500
36	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-8616	NGUYEN NGOC DUNG	4,092,516	2,000,000
37	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-7662	CAO ANH TUAN	1,321,415	660,700
38	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-6940	PAI JUNG PIAO	3,928,196	1,964,000
39	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-0863	TRINH MAI OANH	4,189,243	2,000,000
40	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-0909	HO QUOC VIET	4,131,647	2,000,000
41	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-3671	NGUYEN THI MINH	3,088,344	1,544,100
42	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2073	CHAU PHU THINH	3,998,297	1,999,100
43	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-5103	NGUYEN THI BE	3,989,158	1,994,500
44	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-6750	LE NGOC LAN	3,860,942	1,930,400
45	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-7213	LE NHAN	3,886,440	1,943,200

46	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2402	LE THI OANH	3,883,945	1,941,900
47	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-5353	NGUYEN NANG QUANG	3,542,981	1,771,400
48	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1089	DO THI THU HIEN	9,762	4,800
49	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-2369	CUNG VAN TU	3,663,456	1,831,700
50	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-6905	TRAN MINH TUAN	4,141,895	2,000,000
51	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-4550	DOAN VAN HIEN	3,791,383	1,895,600
52	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-5711	TRAN THI THU TRANG	3,194,772	1,597,300
53	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-0073	LUU MINH TUAN	3,925,440	1,962,700
54	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2087	NGUYEN HA THANH	3,447,449	1,723,700
55	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-3272	NGO THI OANH	3,402,215	1,701,100
56	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1506	LUONG THI THOM	3,097,118	1,548,500
57	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-7356	NGO MINH THANG	3,326,040	1,663,000
58	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-8968	PHAM DUC TAI	3,245,636	1,622,800
59	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-1345	NGUYEN MANH CUONG	3,753,534	1,876,700
60	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-6688	DAM MONG TRANG VIET	3,193,293	1,596,600
61	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-1537	NGUYEN THI HUYEN	2,577,190	1,288,500
62	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-0943	NINH DUONG LAN NGOC	3,028,137	1,514,000
63	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-1650	LUONG VI THUY	2,939,937	1,469,900
64	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1640	VO THI NGOC TRANG	2,976,537	1,488,200
65	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1441	NGUYEN THI HANG	2,703,925	1,351,900
66	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-7076	NGUYEN THI YEN	2,176,329	1,088,100
67	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-4555	DANG NGOC HOA	2,763,480	1,381,700
68	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-6182	NGUYEN THI NGOC TRAN	1,675,332	837,600
69	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-5849	CHU NGOC HAN	2,476,831	1,238,400
70	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-2428	LE THI SEN	2,702,587	1,351,200
71	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-9104	TRAN DINH LAN	2,511,599	1,255,700
72	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2860	HOANG NGOC HUNG	2,116,871	1,058,400
73	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-3965	NGUYEN DANG LAM	2,627,788	1,313,800
74	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-4268	NGO TUAN KHANH	2,570,294	1,285,100
75	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-9655	BUI VAN HUY	2,557,709	1,278,800
76	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-5366	NGUYEN SY TUNG	1,178,512	589,200
77	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-8543	KHUC THI NGUYET HAO	2,524,188	1,262,000
78	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2110	NGUYEN NGOC TUAN	2,476,965	1,238,400
79	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-9376	TRAN HUU NGHIA	2,875,721	1,437,800
80	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-4131	HO THI AI	2,798,713	1,399,300
81	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-3832	HA THI HOA	2,858,491	1,429,200
82	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-8972	NGUYEN THI THANH NUONG	2,371,409	1,185,700
83	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-9233	TRINH THU HANG	1,691,296	845,600
84	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-0269	TRAN THI NGOC MAI	2,339,354	1,169,600
85	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-3890	LE CHI TAM	2,720,171	1,360,000
86	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-2582	TRAN THANH BA	2,328,248	1,164,100
87	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-3049	TRAN THIEN TRAM	2,687,542	1,343,700
88	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-4473	NGUYEN DANH PHUONG	2,630,305	1,315,100
89	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1655	DO HAI HA	2,284,936	1,142,400
90	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-0527	NGUYEN VAN CUONG	2,292,156	1,146,000
91	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2323	VU THI THU	2,271,012	1,135,500
92	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-9564	NGUYEN QUANG THANG	2,246,608	1,123,300
93	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-0424	NGUYEN THI KIM LE	2,231,720	1,115,800
94	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-6721	NGUYEN THIEU HOA	2,143,228	1,071,600

95	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-8653	KHONG DUY BINH	2,222,682	1,111,300
96	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-7334	NGUYEN THI THAO LY	2,217,050	1,108,500
97	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-4730	TRAN TANG DINH HUY	2,551,870	1,275,900
98	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-8060	DO MINH HIEN	2,167,852	1,083,900
99	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-7185	NGUYEN THI NGOC	2,142,135	1,071,000
100	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-8554	NGUYEN MANH TU	2,139,299	1,069,600
101	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-9506	DINH THI KIM DUNG	2,147,750	1,073,800
102	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-8875	NGUYEN THI NGAN	2,111,874	1,055,900
103	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-5374	BUI TRUONG SINH	1,793,086	896,500
104	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-8216	VU VAN HIEN	2,080,917	1,040,400
105	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-6266	NGUYEN THU HIEN	2,407,248	1,203,600
106	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1375	NGUYEN THI THANH HAI	2,039,476	1,019,700
107	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-2015	NGUYEN NGOC PHUOC	2,035,468	1,017,700
108	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1007	HOANG THANH NGAN	2,012,000	1,006,000
109	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-2860	TRUONG BA THANH	2,245,412	1,122,700
110	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-9309	DAO MY TIEN	2,257,947	1,128,900
111	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-0861	DO MANH DUC	1,935,381	967,600
112	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2317	HOANG TUNG	1,930,029	965,000
113	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2080	NGUYEN CAM VAN	1,860,577	930,200
114	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-3200	TRAN MINH HAO	1,918,958	959,400
115	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-4040	NGUYEN NGOC HA	2,221,406	1,110,700
116	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-9246	PHAM QUOC THANH	1,877,254	938,600
117	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-4484	NGUYEN THI NINH	1,876,843	938,400
118	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-4531	TRAN THI PHUONG THAO	1,823,033	911,500
119	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-7361	NGUYEN KHOA DIEU HA	1,844,758	922,300
120	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-3421	TRAN NGOC TUAN ANH	1,819,648	909,800
121	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1712	HOANG THU TRANG	1,821,496	910,700
122	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-7516	PHAM CHI PHUONG	1,801,285	900,600
123	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-3173	NGUYEN THANH NAM	1,726,070	863,000
124	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-6509	PHAM THI KIM OANH	1,495,657	747,800
125	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-6756	MAIRELES DAVID	1,751,056	875,500
126	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1394	LAM TRUONG SON	1,507,227	753,600
127	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-1532	PHAM THI HOANG YEN	1,739,844	869,900
128	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-2487	NGUYEN CUU NAM PHUONG	1,713,351	856,600
129	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-9673	TRAN THI NGOC HUONG	2,001,432	1,000,700
130	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-5968	LE KHAI HUNG	1,713,359	856,600
131	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-9134	VU THUY DUNG	1,698,713	849,300
132	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-3347	DO THI DAO HANH	1,039,026	519,500
133	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-7691	NGUYEN THU ANH	1,666,529	833,200
134	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-3099	NGUYEN THI DIEU QUYNH	1,598,203	799,100
135	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4022-8688	PHAN DINH HIEN	1,664,036	832,000
136	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-8210	NGUYEN THI VAN HA	1,326,227	663,100
137	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-0382	PHAN DANH DIEP	1,490,539	745,200
138	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-3857	NGUYEN VAN CHIEU	1,853,660	926,800
139	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-0428	NGUYEN TU NHU UYEN	1,604,550	802,200
140	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-4032	BUI DIEM NGOC	1,860,792	930,300
141	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-2214	NGUYEN VU ANH THU	1,472,652	736,300
142	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-7085	DAO THI THU THAO	1,055,292	527,600
143	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-4034	LE HAI GIANG	1,578,224	789,100

144	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-1102	NGUYEN THI LUAN	1,555,304	777,600
145	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4121-7300	NGUYEN LAM TUNG	1,534,998	767,400
146	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-9006	NGUYEN THI THU HA	1,245,080	622,500
147	Từ 1/5 đến 30/6/2022	5324-5697	LE THANH LAM	1,770,094	885,000
148	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-0681	DUONG THI HUYEN	1,525,550	762,700
149	Từ 1/5 đến 30/6/2022	4303-6285	PHAM THI CHINH	1,241,205	620,600